

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC – TUẦN 12
MÔN NGỮ VĂN – KHỐI 10

NỘI DUNG	
Tên bài học/ Chủ đề - Khối Lớp	<ul style="list-style-type: none">- Văn bản: Đọc Tiểu Thanh kí – Nguyễn Du- Luyện tập kỹ năng làm văn
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i>	<p>1. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none">- SGK Ngữ Văn 10 – tập một (bản chuẩn)• Văn bản: Đọc Tiểu Thanh kí – Nguyễn Du• Luyện tập kỹ năng làm văn- Nội dung kiến thức cần ghi nhớ ở Phụ lục 1 <p>2. Yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none">- Học sinh ghi chép đầy đủ Phụ lục 1 vào vở.- Xử lý các thông tin trong SGK (Kết quả cần đạt; Tìm hiểu chung; Chi tiết trọng tâm trong văn bản; Từ khó; Trả lời phần hướng dẫn học bài; Ghi nhớ sau mỗi bài học)- Trong quá trình đọc, học, tiếp cận kiến thức Học sinh có thắc mắc (nếu có) thì điền vào “Phiếu tổng hợp thắc mắc” (Phụ lục 2 – đính kèm) và liên hệ với GVBM để giải đáp thắc mắc.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	Hoàn thành bài tập được giao hoặc “Phiếu học tập” (Phụ lục 3 – đính kèm). Sau đó, chụp và nộp lại cho GV.

PHỤ LỤC 1

ĐỌC TIỂU THANH KÍ – Nguyễn Du

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. TÁC GIẢ

- Nguyễn Du là bậc đại thi hào dân tộc của Việt Nam, ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị triết lý xã hội, tố cáo xã hội đương thời
- Xuất thân từ một gia đình có truyền thống làm quan và sáng tác văn học
- Cuộc đời của ông không được bằng phẳng trải qua nhiều sóng gi
- Lớn lên ông đỗ tiến sĩ và ra làm quan, được cử sang Trung Quốc sau đó về bệnh tật ốm yếu ông phải ăn nhờ ở đậu
- Ông sáng tác nhiều bài thơ có cảm xúc và mang đến những suy nghĩ về những kiếp người, số phận con người tài hoa bạc mệnh

2. TÁC PHẨM

- Tương truyền Phùng Tiểu Thanh là một cô gái Trung Quốc sống khoảng đầu thời Minh, nhiều ý kiến cho rằng nàng là người Dương Châu, con nhà gia thế, tên chữ là Phùng Huyền Huyền. Vốn thông minh nên từ nhỏ nàng đã thông hiểu các môn nghệ thuật cầm kì thi hoạ, lại có phong tư lộng lẫy hơn người. Năm 16 tuổi, nàng được gả làm vợ lẽ cho Phùng Sinh, một công tử nhà gia thế. Vợ cả tính hay ghen lại cay độc, bắt nàng ra sống riêng trên Côn Sơn, gần Tây Hồ. Vì đau buồn, nàng sinh bệnh rồi qua đời khi mới tròn mười tám xuân xanh. Nhưng đau khổ muộn phiền được gửi gắm vào thơ nhưng phần lớn bị vợ cả đem đốt hết, may mắn còn một số bài sót lại. Người ta cho khắc in số thơ đó, đặt là Phần dư tập.

- Thương xót, đồng cảm với số phận của người con gái tài tình mà bạc mệnh, Nguyễn Du viết ra bài thơ này khi Nguyễn Du được cử đi sứ sang Trung Quốc. Trong thời gian này ông đứng ngắm cảnh Hồ Tây bỗng nhớ về truyện cuộc đời của một người con gái tài hoa bạc mệnh là Phùng Tiểu Thanh. Những người phụ nữ có tài có sắc nhưng đường đời truân chuyên bất hạnh cũng là cảm hứng lớn trong sáng tác của Nguyễn Du.

- Kí: Ghi, ghi chép lại một sự kiện, sự việc. Ghi lại cảm xúc → Những ghi chép về Tiểu Thanh

- Bài thơ được rút từ "Thanh Hiên thi tập"

- Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật

II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

1. HAI CÂU ĐỀ

Phiên âm	Dịch nghĩa
<i>Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khư, Độc điếu song tiền nhất chỉ thư.</i>	<i>Vườn hoa Tây Hồ đã héo tàn (đã hết) chỉ còn là cái thành trơ trọi (thành bãi hoang), Một mình ta xót thương cho mảnh giấy tàn bay ngoài cửa sổ</i>

- Tây Hồ là nơi cảnh đẹp hữu tình nhưng lại hóa gò hoang vắng, heo hút vì có người con gái mãi mãi chôn vùi tuổi thanh xuân của mình ở đây. Nguyễn Du không nhằm tả cảnh đẹp Tây Hồ mà chỉ mượn sự thay đổi của không gian để nói lên một cảm nhận về biến đổi của cuộc sống. Cách diễn đạt vừa tả thực vừa gợi ý nghĩa tượng trưng. "**Tây Hồ hoa uyển**" (vườn hoa Tây Hồ) gợi lại cuộc sống lạng lẽ của nàng Tiểu Thanh ở vườn hoa cạnh Tây Hồ – một cảnh đẹp nổi tiếng

của Trung Hoa. Câu thơ không chỉ nói về sự đồ nát của cảnh đẹp mà còn nói về sự đồ nát của thời đại – thời đại mà Nguyễn Du đang sống

- Trong không gian điêu tàn ấy, con người xuất hiện với dáng vẻ cô đơn, như thu mọi cảm xúc trong hai từ "**độc điếu**". Một mình nhà thơ ngậm ngùi đọc một tập sách (nhất chỉ thư). Một mình đối diện với một tiếng lòng Tiểu Thanh 300 năm trước, câu thơ như thể hiện rõ cảm xúc trang trọng thành kính với di cảo của Tiểu Thanh. Đồng thời cũng thể hiện sự lắng sâu trầm tư trong dáng vẻ cô đơn. Cách đọc ấy cũng nói lên được sự đồng cảm của nhà thơ với Tiểu Thanh, "**điếu**" là bày tỏ sự xót thương với người xưa. Không phải là tiếng "**thôn thức**" như lời thơ dịch, mà nước mắt lặng lẽ thấm vào trong hồn nhà thơ.

- Đường như số phận của tiểu Thanh cũng như số phận của Nguyễn Du, thời đại đồ nát cũng khiến cho cái đẹp bị lụi tàn

2. HAI CÂU THỰC

Phiên âm	Dịch nghĩa
<i>Chi phần hữu thần liên tử hậu, Văn chương vô mệnh luy phần du.</i>	<i>Son phần có linh hồn chắc phải xót chuyện xảy ra sau khi nàng chết, Văn chương không có mệnh mà cũng bị liên luy, đốt đi còn sót lại một vài bài</i>

- Nhà thơ mượn hình ảnh “son phần” và “văn chương” để nói về số phận của tiểu Thanh

+ Sơn phấn ở đây chỉ cái đẹp, hồng nhan nói chung, “thần” là thần thái, tâm hồn. Vẻ đẹp của hồng nhan dù có thần đến đâu cũng phải xót xa cho cho những chuyện xảy ra với nàng tiểu Thanh sau khi chết.

+ Văn chương – trí tuệ, sự nghiệp văn chương của nàng tiểu Thanh không có mệnh mà vẫn bị luy, bị đốt hết và chỉ còn sót lại một vài bài.

- Cặp thơ ngụ ý đến những trái ngang, đắng cay mà nàng tiểu Thanh phải trải qua : Sơn phấn là vẻ đẹp bên ngoài nhưng lại phải chịu nỗi đau tinh thần, Văn chương vốn là vẻ đẹp tinh thần nhưng lại phải chịu nỗi đau thể xác. Ở đây, ta hiểu, Nguyễn Du không chỉ nói đến nàng tiểu Thanh mà ông muốn nói đến thân phận của cái đẹp nói chung cũng đầy ngang trái và đớn đau như thân phận của nàng tiểu Thanh

3. HAI CÂU LUẬN

Phiên âm	Dịch nghĩa
<i>Cổ kim hận sự thiên nan vấn</i>	<i>Những nỗi hận từ xưa đến nay khó mà hỏi trời được</i>
<i>Phong vận kì oan ngã tự cư</i>	<i>Ta tự coi mình cũng ở vào cảnh ngộ có tài sắc phải chịu nỗi oan lạ lùng</i>

- Nỗi oan của Tiểu Thanh không phải chỉ của riêng nàng mà còn là kết cục chung của những người có tài từ "cổ" chí "kim". Nhà thơ gọi đó là "hận sự", một mối hận suốt đời nhắm mắt chưa yên. Những oan khuất bế tắc của nghìn đời "khó hỏi trời" (thiên nan vấn). Câu thơ đã giúp ta hình dung rõ cuộc sống của những nạn nhân chế độ phong kiến, dồn nén thái độ bất bình uất ức của nhà thơ với thời cuộc, đồng thời cũng thể hiện một sự bế tắc của Nguyễn Du.

- Khóc người để thương mình, cảm xúc đồng điệu đã làm thành câu thơ bất hủ "**phong vận kỳ oan ngã tự cư**" (Ta tự cho mình cũng ở trong số những kẻ mắc nỗi oan lạ lùng vì cái tài sắc). Ở đó là tình cảm chân thành đồng điệu của Nguyễn Du, cũng thể hiện tầm vóc lớn lao của chủ nghĩa nhân đạo rất đẹp và rất sâu của ông. Ông đồng nhất thân phận để rồi từ đó có tiếng nói đồng cảm, xót xa cho cái đẹp bị vùi dập

4. HAI CÂU KẾT

Phiên âm	Dịch nghĩa
<i>Bất tri tam bách dư niên hậu</i>	<i>Không biết ba trăm năm sau</i>
<i>Thiên hà hà nhân khấp Tố Như?</i>	<i>Thiên hạ ai sẽ khóc cho Tố Như đây?</i>

- Khóc cho nàng Tiểu Thanh ba trăm năm trước bằng giọt lệ chân thành của trái tim đồng điệu, dòng suy tưởng đã đưa nhà thơ đến ba trăm năm sau cùng một mối hồ nghi khó giải tỏa. Tiểu Thanh còn có tấm lòng tri kỷ của Nguyễn Du tìm đến để rửa những oan khiên bằng giọt nước mắt đồng cảm. Còn nhà thơ tự cảm thấy sự cô độc lẻ loi trong hiện tại. Câu hỏi người đời sau ẩn chứa một khát khao tìm gặp tấm lòng tri âm tri kỷ giữa cuộc đời

- Nhà thơ tự thể hiện mình bằng tên chữ "Tố Như" (Trong sáng, trinh trắng, ôm chứa nỗi đau nhân gian) không phải mong "lưu danh thiên cổ" mà chỉ là tâm sự

của một nỗi lòng tha thiết với cuộc đời. Khóc người xưa, nhà thơ tự khóc cho chính mình

- Niềm dự cảm về số phận cái đẹp vẫn còn đó, vẫn còn những bi kịch bị dập vùi, huỷ hoại

PHỤ LỤC 2
PHIẾU TỔNG HỢP CÂU HỎI – THẮC MẮC CỦA HỌC SINH
TRONG QUÁ TRÌNH TỰ HỌC – TUẦN 12

Trường THPT Nguyễn Tất Thành

Lớp: 10A...

Họ và tên học sinh:.....STT:.....

Bài	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
1	- Mục: • Phần:	1/ 2/ 3/
2		
3		

